

Thực trạng và giải pháp phát triển ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Mai Quỳnh Phương
Trường Đại học Điện lực

Bài báo sử dụng phương pháp phân tích dữ liệu theo thời gian và so sánh các chỉ số của ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2010 - 2020 để nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030. Ngành nông nghiệp vẫn sản xuất theo quy mô nhỏ lẻ; nguồn nhân lực có kỹ năng, kiến thức và tiếp cận kỹ thuật, công nghệ mới còn thiếu; hạ tầng nông nghiệp chỉ đáp ứng yêu cầu của sản xuất nông nghiệp theo mô hình cũ; tính liên kết trong sản xuất trong nông nghiệp với các ngành khác còn chưa chặt chẽ.... Do đó, các giải pháp về chính sách để phát triển hạ tầng, quy mô, nhân lực... cần được thực hiện nhằm đảm bảo cho ngành nông nghiệp của tỉnh Thanh Hóa phát triển nhanh và bền vững, tương xứng với những tiềm năng của tỉnh.

1. Mở đầu

Tỉnh Thanh Hóa có hệ sinh thái được chia thành 3 vùng rõ rệt: trung du miền núi, đồng bằng và ven biển. Điều này giúp nền nông nghiệp trong tỉnh phát triển đa dạng các loại cây trồng, vật nuôi, phong phú về sản phẩm. Xét về khía cạnh sản xuất nông nghiệp, việc có các lợi thế, như: vùng lãnh hải rộng lớn với bờ biển dài 102 km, thuận lợi cho việc khai thác hải sản. Thời tiết khí hậu với những tiểu vùng khác nhau, phù hợp với đặc điểm sinh trưởng của nhiều loại cây trồng, vật nuôi. Tiềm năng đất đai rộng lớn và đa dạng, diện tích đất nông nghiệp 909.766 ha, chiếm 81,85% tổng diện tích tự nhiên; bên cạnh đó, toàn tỉnh có 610 hồ chứa và 24 sông lớn nhỏ... Những đặc điểm nêu trên, cùng với hạ tầng giao thông phát triển... tạo cho

Thanh Hóa những thuận lợi cơ bản, có khả năng và điều kiện vươn lên phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, bền vững. Giai đoạn 2010 - 2020, ngành nông nghiệp của tỉnh Thanh Hóa có nhiều bước phát triển lớn, tuy nhiên vẫn chưa xứng với những tiềm năng của Tỉnh.

2. Thực trạng phát triển ngành nông nghiệp

Giai đoạn 2011 - 2020, ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa phát triển tương đối ổn định; tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 2,95%, vượt mục tiêu quy hoạch đề ra là 2,9% (giai đoạn 2010 - 2015 là 2,9%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 là 3%/năm). Tổng sản lượng lương thực giai đoạn 2010 - 2020 duy trì ở mức 1,5 - 1,6 triệu tấn, đạt mục tiêu quy hoạch.

Về trồng trọt: Trồng trọt là hoạt động chủ lực trong ngành nông nghiệp hiện tại của tỉnh Thanh Hóa. Trồng trọt đạt kết quả khá toàn diện, cơ cấu cây

trồng chuyển dịch tích cực, đã thực hiện chuyển đổi 45.101 ha đất lúa, mì, lạc, sắn,... năng suất thấp, kém hiệu quả sang các loại cây trồng hiệu quả hơn. Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt tuy vẫn chiếm tỷ trọng cao nhưng xu hướng giảm bình quân khoảng 1,1%/năm; các cây trồng có giá trị kinh tế - hàng hóa cao (như mía nguyên liệu, cây ăn quả, rau đậu thực phẩm, cây thức ăn chăn nuôi ...) đang chiếm tỷ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu sản xuất; nhiều loại giống mới có ưu thế về năng suất, chất lượng, nhiều tiến bộ kỹ thuật canh tác được ứng dụng trên diện rộng. Các vùng nguyên liệu tập trung được phát triển, mở rộng (lúa thâm canh năng suất, chất lượng cao 158.158 ha, ngô thâm canh 20.000 ha, rau an toàn 9.800 ha, mía thâm canh 15.000 ha, cây ăn quả 7.000 ha, cây làm thức ăn chăn nuôi 12.700 ha). Hình thành và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi liên kết, trong đó, có nhiều chuỗi mang lại giá trị kinh tế cao. Kết quả phát triển các loại cây trồng đạt kết quả tích cực, năng suất, hiệu quả ngày càng cao, góp phần thực hiện mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh.

Về chăn nuôi: Chăn nuôi là hoạt động đóng góp thứ hai cho ngành nông nghiệp phát triển. Phát triển chăn nuôi đã có sự chuyển biến rõ nét về tổ chức sản xuất, chuyển mạnh sang chăn nuôi tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao, từng bước thay thế mô hình chăn nuôi hộ gia đình. Hình thành các chuỗi liên kết giá trị (chuỗi liên kết của Công ty Sữa Việt Nam (Vinamilk), Công ty sữa TH true Milk, Công ty cổ phần nông sản Phú Gia - VietAvis, Công ty cổ phần thực phẩm Việt Hưng; các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm của Công ty TNHH Hiền Nhuận, Công ty TNHH Phúc Vinh, Công ty Anh Minh Giang). Các sản phẩm lợi thế phát triển mạnh

theo hướng nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh, tỷ trọng đàn bò lai, bò sữa, đàn lợn nạc tăng so với tổng đàn. Tổng sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng giai đoạn 2010 - 2020 tăng bình quân 2,9%/năm, từ 189,4 nghìn tấn năm 2010 lên 214,4 nghìn tấn năm 2015 và đạt 250,9 nghìn tấn năm 2020. Sản lượng trứng tăng mạnh, tốc độ tăng bình quân đạt 16,1%/năm.

Tổ chức sản xuất có chuyển biến rõ nét từ chăn nuôi hộ sang chăn nuôi tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao. Chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm vật tư đầu vào (đàn giống, thức ăn, phụ gia bổ sung ...) và sản phẩm chăn nuôi được quản lý chặt chẽ hơn, định hình rõ rệt các vùng chăn nuôi. Chăn nuôi lợn ngoại hướng nạc tập trung ở vùng đồng bằng, trung du và từng bước dịch chuyển đến vùng núi thấp; chăn nuôi bò sữa, bò thịt chất lượng cao, con nuôi tập trung chủ yếu ở vùng trung du và miền núi; đàn gà lông màu phát triển ở tất cả các vùng có lợi thế, đảm bảo môi trường. Nhiều dự án chăn nuôi tập trung, quy mô lớn được thực hiện, như chăn nuôi bò sữa của Công ty TNHH bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa, Công ty CP ứng dụng công nghệ cao Nông nghiệp và thực phẩm sữa TH, chăn nuôi thịt bò của Công ty CP chăn nuôi Bá Thước, Công ty Anh Minh Giang, chăn nuôi lợn ứng dụng công nghệ cao của Công ty CP thức ăn chăn nuôi Thái Dương, chăn nuôi thịt lợn của Công ty TNHH một thành viên chăn nuôi APPE.

Nhìn chung, hoạt động trồng trọt vẫn là hoạt động chủ lực trong ngành nông nghiệp của tỉnh. Vị thế của hoạt động trồng trọt có xu hướng giảm, thay vào đó vị thế của chăn nuôi có xu hướng tăng.

Bảng 1. Hiện trạng phát triển của ngành chăn nuôi giai đoạn 2010 - 2020

	ĐVT	TH 2010	TH 2015	TH 2020
Số lượng gia súc, gia cầm				
Trâu	con	207.940	195.583	195.000
Bò	con	244.800	224.063	265.013
Lợn	con	874.500	883.047	850.011
Gia cầm	triệu con	16.7	17.8	21.01
Sản phẩm chăn nuôi				
Sản lượng thịt hơi các loại	tấn	189.400	214.363	250.898
Sản lượng trứng	1000 quả	35.861	121.557	160.012
Sản phẩm lợi thế				
Bò sữa	con	3.850	4.000	15.013
Lợn hướng nạc	con	264.900	330.000	550.000

3. Những thách thức còn tồn tại

Ngành nông nghiệp của tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn vừa qua luôn có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt là tạo công ăn việc làm cho người dân vùng nông thôn. Tuy nhiên, hiện nay, ngành nông nghiệp đang gặp một số trở ngại, đó là:

- Quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng tại chỗ: Nền nông nghiệp của tỉnh Thanh Hóa còn nặng tính tự cung tự cấp và nông nghiệp thủ công. Thanh Hóa vẫn đang tập trung phát triển cây truyền thống phục vụ tiêu dùng trong nước như gạo, tre luồng; chuyển dịch cơ cấu sản

phẩm cây trồng vật nuôi đã đi đúng hướng, tuy nhiên chủng loại còn tương đối đơn điệu, chất lượng chưa cao, sức cạnh tranh còn yếu.

- Hạ tầng nông nghiệp chỉ đáp ứng yêu cầu của sản xuất nông nghiệp theo mô thức cũ: Cơ sở hạ tầng phục vụ nông lâm nghiệp còn yếu và thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất. Hệ thống thủy lợi mới chỉ đảm bảo được tưới tiêu cho cây lúa, chưa đảm bảo được nhu cầu của các loại cây công nghiệp; tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương còn thấp. Ở các vùng sâu, vùng xa còn thiếu máy móc, thiết bị và trình độ cơ giới hóa nông nghiệp thấp dẫn tới việc năng suất sản xuất chưa cao. Thương mại nông sản phát triển hạn chế do thiếu phương tiện vận tải và cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng tốt.

- Nguồn nhân lực có kỹ năng, kiến thức và tiếp cận kỹ thuật, công nghệ mới còn thiếu: Phần lớn nông dân thiếu kiến thức về sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu, các kỹ thuật canh tác, thủy lợi, lựa chọn giống cây trồng.

- Tính liên kết trong sản xuất nông lâm thủy sản còn chưa chặt (kể cả liên kết dọc và liên kết ngang): Chưa phát huy được vai trò của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác để kết nối nông dân trong sản xuất nhằm tăng quy mô và cắt giảm chi phí sản xuất; thiếu doanh nghiệp mang tính đầu tàu. Chưa kết nối tốt giữa người sản xuất và người tiêu thụ, đặc biệt là thị trường xuất khẩu và ngoại tỉnh. Vì thế, việc tổ chức sản xuất luôn bị động, sức cạnh tranh sản phẩm chưa cao.

- Quá trình tích tụ đất nông nghiệp còn chậm: đất sản xuất thuộc sở hữu của nhiều hộ dân nhỏ lẻ nên chưa thể đạt được hiệu quả kinh tế về quy mô đối với nhiều loại cây trồng.

4. Giải pháp phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030

4.1. Mục tiêu phát triển

Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao; ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, thông minh để hình thành các vùng chuyên canh hàng hóa có chất lượng, quy mô lớn đảm bảo các quy định về an toàn thực phẩm; hình thành và phát triển các chuỗi giá trị sản xuất đến tiêu thụ; thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm nông nghiệp có tiềm năng, lợi thế, có thị trường tiêu thụ; chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, sinh thái, cải thiện đời sống nhân dân. Phấn đấu tốc độ gia tăng giá trị sản xuất như sau:

- Giai đoạn 2021 - 2025, tốc độ tăng trưởng kinh

tế ngành nông nghiệp đạt 1,8%/năm.

- Giai đoạn 2026 – 2030, tốc độ tăng trưởng kinh tế ngành nông nghiệp đạt 1,3%/năm.

4.2. Giải pháp phát triển ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2030

a. Trồng trọt

Đẩy mạnh tích tụ tập trung đất đai, sản xuất quy mô lớn, công nghệ cao; sản xuất hàng hóa, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng chuyển sang cây trồng có lợi thế phát triển, nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung nâng cao năng suất, chất lượng các sản phẩm chủ lực, có lợi thế của tỉnh (lúa, sắn, các sản phẩm từ sắn, cao su, mía đường, rau quả, cây thức ăn chăn nuôi và cây dược liệu). Chuyển đổi đất trồng lúa sang các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn. Tăng cường ứng dụng khó học công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh để nâng cao hiệu quả sản xuất; ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ nông sản với nông dân. Phát triển các nhóm nông dân hợp tác tự nguyện, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Nâng cao năng lực giám sát và dự báo, phòng trừ hiệu quả sâu bệnh trên cây trồng.

Định hướng phát triển các cây trồng chủ lực:

- Cây lúa: Tổng diện tích gieo trồng đến năm 2025 là 223 nghìn ha và giảm xuống 200 nghìn ha vào năm 2030 (giảm 33 nghìn ha so với năm 2020), trong đó ưu tiên phát triển vùng lúa thâm canh, năng suất, chất lượng cao 150 nghìn ha.

- Cây mía: Đến năm 2025, đạt 21,5 nghìn ha, ổn định đến năm 2030 (trong đó mía nguyên liệu ổn định 19,5 nghìn ha); tập trung thâm canh, sử dụng giống có năng suất và trữ lượng đường cao để tăng sản lượng mía nguyên liệu cho chế biến.

- Sắn: Đến năm 2025, diện tích giảm còn 13.500 ha (trong đó sắn nguyên liệu 11.000 ha) và ổn định đến năm 2030. Nhân nhanh và mở rộng diện tích các giống sắn có năng suất và hàm lượng tinh bột cao trong sản xuất đại trà vùng nguyên liệu, giảm diện tích sắn phân tán.

- Cây rau đậu thực phẩm: Đến năm 2025, có 55 nghìn ha gieo trồng rau đậu thực phẩm và tăng lên 60 nghìn ha vào năm 2030, đáp ứng nhu cầu nhân dân trong tỉnh, thị trường và các tỉnh lân cận và xuất khẩu.

- Cây thức ăn chăn nuôi: Phát triển nhanh diện tích cỏ phục vụ nhu cầu thức ăn chăn nuôi, đặc biệt là khu vực đất dốc, tại các bãi ven sông, vùng đồi gò, trồng trong trang trại, hộ gia đình ...nâng diện tích trồng cây thức ăn chăn nuôi lên 15.000 ha năm 2025 và ổn định đến năm 2030...

- Cao su: Đến năm 2025, diện tích đạt 10.000 ha và giảm xuống còn 8.000 ha vào năm 2030.

b. Chăn nuôi

Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, công nghệ cao theo chuỗi giá trị (từ giống, thức ăn, thú y...đến giết mổ, chế biến, tiêu thụ); tập trung là phát triển các sản phẩm chăn nuôi chủ lực của tỉnh; áp dụng mô hình sản xuất theo hợp đồng và xây dựng cụm chăn nuôi công nghiệp, liên kết chặt chẽ với chế biến thực phẩm công nghệ cao. Nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo hướng an toàn, bền vững; giám sát và kiểm soát bệnh dịch hiệu quả; tăng cường dịch vụ thú y; quy định chặt chẽ việc quản lý và sử dụng thuốc thú y; áp dụng tiêu chuẩn ATTP theo chuỗi giá trị; cải thiện hiệu quả sử dụng thức ăn trong chăn nuôi.

Định hướng phát triển các vật nuôi chủ lực:

- Đàn bò: Tập trung phát triển đàn bò để khai thác thế mạnh của tỉnh về đất đai và đồng cỏ (nhất là phát triển đàn bò sữa và bò thịt). Đến năm 2025, đàn bò đạt 340 nghìn; tỷ trọng đàn bò lai Zebu trong đàn bò chiếm 67%. Đến năm 2030 đàn bò đạt 400 nghìn con; tỷ trọng đàn bò lai Zebu trong tổng đàn bò chiếm 75%.

- Đàn lợn: Đến năm 2025, đàn lợn đạt khoảng 1,2 triệu con. Đến năm 2030 khoảng 1,25 triệu con (trong đó lợn hướng nạc đạt 780 nghìn con). Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm thịt lợn (theo hướng nạc, tăng tỷ lệ sử dụng giống lợn ngoại hướng nạc trong cơ cấu đàn lợn từ 65% năm 2025 lên 67% năm 2030).

- Đàn gia cầm: Đến năm 2025, tổng đàn gia cầm đạt 26 triệu con (trong đó, gà lông màu đạt 10 triệu con); gia cầm thuộc nhóm con nuôi đặc sản (gà ri, gà lai, gà mía, gà đồi; vịt cỏ, vịt bầu, vịt Cổ Lũng) đạt 2,0 triệu con. Đến năm 2030 tổng đàn gia cầm lên 28 triệu con; gia cầm thuộc nhóm đặc sản đạt 2,2 triệu con.

- Đàn trâu: Trong giai đoạn 2025 – 2030, duy trì ổn định đàn trâu khoảng 200 nghìn con. Tập trung phát triển tại các huyện miền núi, như: Lang Chánh, Thường Xuân, Như Xuân, Quan Hóa, Bá Thước, Cẩm Thủy ... và một số huyện đồng bằng vùng trũng thấp như Hà Trung, Nông Cống, Nghi Sơn, Quảng Xương.

Tài liệu tham khảo

Thủ tướng chính phủ (2015), Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 và tầm nhìn 2030. Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17/6/2015;

UBND Tỉnh Thanh Hóa (2018), Báo cáo phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011–2015 và tình hình phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thanh Hóa năm 2018;

Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa: Niên giám thống kê các năm 2010 - 2020.